

## **CÁC FILE ĐÍNH KÈM**

1. Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.
2. Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.
3. Mẫu 15D: Cam kết không vi phạm sở hữu trí tuệ - Nhà thầu scan và đính kèm khi nộp E-HSDT.
4. Mẫu 15E: Cam kết về biên bản thí nghiệm, ISO, Catalogue của nhà sản xuất nước ngoài (nếu được công nhận trúng thầu).
5. Mẫu số 17. Hợp đồng.
6. Mẫu số 20. Bảo lãnh bảo hành.

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

**Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT: Như trên webform yêu cầu.**

**Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Như trên webform yêu cầu.**

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt

Việc đánh giá được áp dụng cho từng hạng mục hàng hóa của gói thầu.

Các tiêu chuẩn đánh giá tổng quát bao gồm:

| TT | Nội dung yêu cầu                                    | Mức độ đáp ứng   |   |
|----|---|--|---|
|    |   | <i>Đạt</i>   | <i>Không đạt</i>  |
| 1  | <b>Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất theo quy định tại mẫu số 10B chương IV (*).</li> <li>- Hàng hóa chào thầu đáp ứng đầy đủ các thông số kỹ thuật tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II-Yêu cầu thông số kỹ thuật, có tài liệu chứng minh tính đáp ứng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất cụ thể một trong các thông tin: ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất tại mẫu số 10B chương IV (tiêu chí này không được làm rõ).</li> <li>- Không chào Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V, Mục B.II-Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc;</li> <li>- Một trong các thông số kỹ thuật không đáp ứng theo yêu cầu tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II-Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc;</li> <li>- Một số thông số kỹ thuật chào thiếu sau khi đã được làm rõ bổ sung nhưng nhà thầu không bổ sung hoặc sau khi làm rõ nhưng không đáp ứng, hoặc;</li> <li>- Không có tài liệu chứng minh tính đáp ứng sau khi đã được yêu cầu làm rõ.</li> </ul> |
| 2  | <b>Về tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá:</b>       |  |   |
|    | <b>Biên bản thử nghiệm:</b>                         | Có biên bản thử nghiệm đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.3.2 Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB cho hàng hóa có cùng chủng loại, nhà sản xuất với hàng hóa chào thầu được yêu  | Biên bản thử nghiệm không đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.3.2 Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ, hoặc;   |

|     |  |  |  |
|-----|--|--|--|
|     |  | cầu tại Chương V, mục B.I.3.2-Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa và có đầy đủ các hạng mục thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II.1-Các yêu cầu chi tiết của E-HSMT.   | Không có biên bản thử nghiệm được nêu tại Chương V, mục B.I.3.2-Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa hoặc có nhưng có hạng mục thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II.1-Các yêu cầu chi tiết của E-HSMT sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.  |
| 2.2 | <b>Xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng</b><br>(Chỉ chấp nhận các văn bản xác nhận được ký kể từ ngày 01/T/N-3 trở về sau. Trong đó : T là tháng có thời điểm đăng thông báo mời thầu, N là năm có thời điểm đăng thông báo mời thầu) | Có ít nhất 02 giấy xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá có cùng chủng loại, nhà sản xuất, nước sản xuất với hàng hoá chào thầu được yêu cầu tại Chương V, mục B.I.3.3 - Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa đã vận hành ổn định, đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu <b>24 tháng trước thời điểm đóng thầu trên lưới điện Việt Nam.</b><br>Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều 10 của NB 214/2024/NĐ-CP thì nhà thầu phải cung cấp ít nhất 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá do <b>bên chuyên giao công nghệ</b> sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu <b>24 tháng trước thời điểm đóng thầu.</b> | Có ít hơn 02 giấy xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau đáp ứng theo yêu cầu sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.<br><br>Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều Điều 10 của NB 214/2024/NĐ-CP nhưng nhà thầu cung cấp ít hơn 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá do <b>bên chuyên giao công nghệ</b> sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu <b>24 tháng trước thời điểm đóng thầu</b> sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ. |
| 3   | <b>Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về các điều kiện thương mại và quyền sở hữu trí tuệ</b>   |  |  |
| 3.1 | <b>Các điều kiện thương mại</b>  | Không có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của  | Có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-  |

|     |  |   |  |
|-----|--|---|--|
|     |  | hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư. | HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư. |
| 3.2 | <b>Quyền sở hữu trí tuệ</b><br>(theo Mẫu số 15D tại Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và Dự thầu/File scan) | Nhà thầu có Bản cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa chào thầu (theo Mẫu số 15D)   | Không có cam kết, hoặc không bổ sung cam kết sau khi được yêu cầu bổ sung, làm rõ.   |
| 4   | <b>Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành</b>   | Toàn bộ hàng hóa của gói thầu được bảo hành thời gian <b>≥ 18 tháng</b> kể từ ngày hoàn tất thủ tục giao hàng.  | Không chào thời gian bảo hành hoặc chào thời gian bảo hành < <b>18 tháng</b> kể từ ngày hoàn tất thủ tục giao hàng   |
| 5   | Về thời gian thực hiện gói thầu:<br><i>Cụ thể quy định tại chương V. Yêu cầu kỹ thuật.</i>             | Nhỏ hơn hoặc bằng tiến độ cung cấp yêu cầu tại chương V. Yêu cầu kỹ thuật   | Không chào tiến độ cung cấp hoặc chào tiến độ cung cấp lớn hơn yêu cầu quy định tại chương V. Yêu cầu kỹ thuật.  |
| 6   | Kết quả thực hiện Hợp đồng, chất lượng hàng hóa  |   |  |
| 6.1 | Kết quả thực hiện hợp đồng   | Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có < 03 hợp đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiến độ do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC (**) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.                         | Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có ≥ 03 hợp đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiến độ do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.             |
| 6.2 | Chất lượng hàng hoá  | Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, không có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC (**) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.   | Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.   |

|   |                                    |  |  |
|---|------------------------------------|--|--|
| 7 | <b>Phương án kỹ thuật thay thế</b> | <p>+ Nhà thầu chào một (01) ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) trong mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp.</p> <p>+ Nhà thầu chào xuất xứ hàng hoá đúng theo yêu cầu tại CDNT 15.6 của HSMT trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ.</p> | <p>+ Sau khi làm rõ, nhà thầu vẫn chào nhiều hơn 01 xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hoá (một cái, một chiếc...) của mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp.</p> <p>+ Nhà thầu chào nhiều hơn 01 (một) ký mã hiệu, nhãn hiệu cho một đơn vị tính của hàng hoá chào thầu hoặc chào nhiều hơn 01 (một) hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hoá chào thầu.</p> <p>+ Nhà thầu không chào xuất xứ hàng hoá đúng theo yêu cầu tại CDNT 15.6 của HSMT trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ.</p> |
|---|------------------------------------|--|--|

**Ghi chú:**

**(\*) Nhà thầu nghiên cứu kỹ nội dung các ghi chú tại bảng số 10B chương IV để điền đầy đủ thông tin theo hướng dẫn, tránh trường hợp hồ sơ dự thầu không được xem xét đánh giá vì không đủ thông tin hàng hoá.**

- Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm chứng Biên bản thử nghiệm; tài liệu của nhà sản xuất công bố (catalogue,...); xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng được nhà thầu đính kèm trong E-HSDT. Kết quả kiểm chứng là cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với các yêu cầu của E-HSMT.

- Trong trường hợp E-HSDT có những nội dung sai khác hoặc bỏ sót nội dung không cơ bản so với E-HSMT – phù hợp với điểm a và điểm b khoản 25.2 điều 25 chương I thuộc E-HSMT, Chủ đầu tư sẽ thực hiện làm rõ E-HSDT phù hợp với khoản 23.1 điều 23 chương I thuộc E-HSMT:

*i) Trường hợp có sự sai khác thông tin giữa các tài liệu do Nhà thầu tuyên bố (là các tài liệu do chính Nhà thầu lập và nộp trong E-HSDT, bao gồm: Bảng thông số kỹ thuật chào thầu; Các bản vẽ, mô tả chỉ dẫn kỹ thuật liên quan; Liệt kê chi tiết VTTB (nếu có)) thì Chủ đầu tư sẽ tiến hành làm rõ để đánh giá E-HSDT.*

*ii) Trường hợp trong các tài liệu do Nhà sản xuất công bố (catalogue, hướng dẫn vận hành) có thông số kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật khác với tuyên bố của Nhà thầu và không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ tiến hành làm rõ. Trong trường hợp này, khi làm rõ thì Nhà thầu phải bổ sung các tài liệu hợp lệ của Nhà sản xuất để giải thích, chứng minh các nội dung sai khác này, làm cơ sở để Chủ đầu tư đánh giá E-HSDT. Trường hợp khi làm rõ mà Nhà thầu không bổ sung được các tài liệu hợp lệ của Nhà sản xuất giải thích, chứng minh nội dung sai khác thì Chủ đầu tư sẽ sử dụng các tài liệu do Nhà sản xuất công bố đã được Nhà thầu cung cấp trước đó trong E-HSDT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT thay cho các thông số kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật mà Nhà thầu đã tuyên bố trong E-HSDT.*

- Đối với Biên bản thử nghiệm của VTTB: phải đầy đủ hạng mục và đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của E-HSMT.

- (\*\*) Các đơn vị thành viên EVNCPC: là các đơn vị thành viên của EVNCPC trong khoảng thời gian đánh giá chất lượng hàng hoá, kết quả thực hiện hợp đồng.

Ngoài các nội dung trên Webform đã nêu, nhà thầu nghiên cứu các nội dung tại Mục 4 + Mục 5 + Mục 6 để lập E-HSDT cũng như thực hiện hợp đồng nếu trúng thầu:

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

##### **+ Hướng dẫn bổ sung chi tiết mục E-CDNT 13.5**

1. Trong bảng giá, nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau:

- Đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% được áp dụng miễn giảm thuế theo quy định của Nghị định 174/2025/NĐ-CP, trong bảng giá, nhà thầu phải chào thầu theo quy định như sau:

+ Do chưa xác định rõ ràng được mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cụ thể trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư tạm xác định mức thuế suất GTGT là 10%, nhà thầu được yêu cầu tính toán giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT và chào thầu với mức thuế suất GTGT 10%. Chủ đầu tư sẽ tính toán đơn giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT tương ứng với mức thuế suất 10% để làm cơ sở đánh giá thầu.

+ Trên cơ sở giá trị hàng hóa trước thuế đã xác định nêu trên, khi hai bên ký kết hợp đồng chính thức, giá trị hợp đồng được ký kết với mức thuế GTGT mặc định là 8% theo quy định của Nghị định 174/2025/NĐ-CP (trừ các hàng hóa, dịch vụ mà nhà thầu cung cấp văn bản, tài liệu của cơ quan quản lý thuế hoặc trưng dương xác nhận thuế GTGT là 10%). Giá trị thanh toán dựa trên cơ sở hóa đơn GTGT do nhà thầu phát hành tại thời điểm nghiệm thu. Trường hợp tại thời điểm phát hành hóa đơn nếu thuế GTGT là 10% lớn hơn mức 8% theo hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải cung cấp văn bản, tài liệu của cơ quan quản lý thuế hoặc trưng dương xác nhận thuế GTGT là 10% để làm cơ sở ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung trước khi xuất hóa đơn GTGT.

- Giá chào thầu là giá giao hàng hóa tại kho của Chủ đầu tư (tại địa điểm như quy định ở Chương IV Phạm vi cung cấp, địa điểm giao hàng) tại mặt sàn kho của Chủ đầu tư, đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 12.1 của Chương IV– Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

- Nhà thầu phải phân tích chi tiết, cụ thể các nội dung cấu thành giá chào thầu bao gồm: giá hàng hóa xuất xưởng; chi phí vận chuyển và bảo hiểm; chi phí thực hiện dịch vụ và các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định trong biểu giá chào thầu của mình (nếu có).

- Nhà thầu phải chịu mọi thứ thuế và lệ phí (nếu có) cho đến khi giao hàng hoá và thực hiện dịch vụ cho Bên mua theo Điều kiện của Hợp đồng.

- Nhà thầu bắt buộc phải chào đầy đủ danh mục, số lượng theo yêu cầu của gói thầu được nêu tại Chương IV Phạm vi cung cấp.

- Việc trao hợp đồng được thực hiện cho cả gói thầu.

##### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không áp dụng**

## **Mục 6. Kiểm tra thực tế năng lực nhà thầu trước khi trao hợp đồng**

6.1. HSDT được xếp hạng thứ nhất sẽ được xem xét trao thầu. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của mình, Chủ đầu tư sẽ thực hiện việc kiểm tra thực tế năng lực của nhà thầu có HSDT được dự kiến lựa chọn trúng thầu. Kết quả hậu kiểm thực tế về nhà xưởng, máy móc sản xuất, cơ sở vật chất, năng lực tài chính, nhân sự của nhà thầu/nhà sản xuất là cơ sở để trao thầu cho nhà thầu.

6.2. Chủ đầu tư sẽ quyết định việc yêu cầu nhà thầu xếp hạng nhất xác thực các Xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng, Biên bản thí nghiệm, ... đối với hàng hóa chào thầu mà nhà thầu đã cung cấp là cơ sở để trao thầu cho nhà thầu.

+ Trường hợp **Biên bản thí nghiệm, Catalogue của hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài** mà Nhà sản xuất có lý do không thể nộp bản gốc hoặc bản sao chứng thực theo quy định khi tham dự thầu thì trong Hồ sơ dự thầu nhà thầu phải cung cấp Văn bản cam kết của Nhà sản xuất xác nhận biên bản thí nghiệm, ISO, Catalogue liên quan đến hàng hóa chào thầu của nhà sản xuất (nước ngoài) là bản sao chụp từ bản gốc và được cung cấp cho nhà thầu để tham gia dự thầu, và cam kết sẵn sàng làm việc với Chủ đầu tư/chủ đầu tư để xác minh tài liệu nếu được công nhận trúng thầu (Mẫu số 15E).

+ Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm văn bản cam kết của Nhà sản xuất (Mẫu số 15E) trong E-HSDT, việc nhà thầu không đính kèm văn bản cam kết nêu trên không phải là lý do để đánh giá E-HSDT không đạt. E-HSDT vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để xếp hạng nhà thầu. Trường hợp nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng/**đối chiếu tài liệu**, nhà thầu phải xuất trình được văn bản cam kết (Mẫu số 15E) nêu trên trong quá trình thương thảo hợp đồng/**đối chiếu tài liệu** và chịu trách nhiệm về tính xác thực của văn bản cam kết do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình/cung cấp được văn bản cam kết (Mẫu số 15E) của Nhà sản xuất khi thương thảo hợp đồng/**đối chiếu tài liệu** thì xem như không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và Chủ đầu tư sẽ mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng/**đối chiếu tài liệu**.